TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ M'GAR** TỈNH ĐĂK LĂK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05-2-2018.
"V/v: *Không công nhận quan hệ vợ chồng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR –TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:** Ông Nguyễn Quang Cảnh

***Các Hội thẩm nhân dân* :**

1. Bà Nguyễn Thị Hoài Bão – Phó Chủ tịch Liên đoàn lao động huyện Cư M'gar.

2. Ông Nguyễn Văn Mạnh – Nguyên Hiệu trưởng Trường trung học cơ sở Trần Hưng Đạo.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Bích Thảo- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư M'gar, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2017/TLST-HNGĐ, ngày 16/10/2017, về việc: "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*" . Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXX-ST, ngày 02/01/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn T, Sinh năm 1966 - *Có mặt.*

Trú tại: Thôn 1b, xã EM, huyện CM – tỉnh Đăk Lăk.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Xuân M, Sinh năm 1969 - *Vắng mặt.*

Trú tại: Thôn 1b, xã EM, huyện CM – tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn: Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa ông Huỳnh Văn T trình bày:

Tôi và và cô Lê Thị Xuân M qua quá trình tìm hiểu đã tự nguyện chung sống với nhau và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán từ năm 1991 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp

luật. Trong thời gian chung sống, chúng tôi đã có với nhau 03 con chung, gồm có: Cháu Huỳnh Văn K, sinh ngày 07/6/1992; cháu Huỳnh Ánh T, sinh ngày 17/01/1998; cháu Huỳnh Triệu V, sinh ngày 18/02/2004.

Quá trình duy trì cuộc sống chung vợ chồng: Thời gian đầu chúng tôi chung sống đầm ấm, hạnh phúc. Tuy nhiên kể từ năm 2012 cho đến nay, tôi và cô Mai xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng mà không thể hàn gắn. Nguyên nhân do vợ tôi là người nghiện cờ bạc và có những mối quan hệ tình cảm nam nữ với người đàn ông khác. Mặc dù tôi đã chịu đựng và nhiều lần khuyên giải vì không muốn gia đình đổ vỡ nhưng cô M không những không thay đổi mà ngày càng trở nên quá đáng, không tôn trọng gia đình, chồng con và thường xuyên bỏ đi chơi vài ngày rồi mới về nhà. Cho nên kể từ năm 2012 cho đến nay tôi và cô M đã sống ly thân. Nay tôi xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với cô Lê Thị Xuân M nên tôi đề nghị Tòa án tuyên bố chúng tôi không phải là vợ chồng để giải thoát cho cả hai người.

Về con chung: Hai con lớn là các cháu Huỳnh Văn K và cháu Huỳnh Ánh T đã thành niên (*trên 18 tuổi*) nên việc các cháu ở với ai là do các cháu tự quyết định; còn cháu Huỳnh Triệu V, sinh ngày 18/02/2004 tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, tôi không yêu cầu cô Lê Thị Xuân M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

**** Bị đơn***: Bà Lê Thị Xuân M:

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar đã tiến hành tống đạt, niêm yết giấy triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn bà Lê Thị Xuân M theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà M không lên Tòa án để giải quyết. Vì vậy Tòa án không làm việc được với bà M.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án:

Về thủ tục tố tụng:

- *Đối với Thẩm phán*: Đã thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Đối với HĐXX:* Đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

- *Đối với đương* sự:

+ Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Ông Huỳnh Văn T và bà Lê Thị Xuân M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 cho đến nay không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015, hôn nhân của ông bà là hôn nhân bất hợp pháp. Vì vậy căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn T; tuyên bố ông Huỳnh Văn T và bà Lê Thị Xuân M không phải là vợ chồng.

Về con chung: Ông T, bà M có 03 con chung, trong đó cháu Huỳnh Văn K và cháu Huỳnh Ánh T đã thành niên (*trên 18 tuổi*) nên việc các cháu ở với ai là do các cháu tự quyết định;

Đối với cháu Huỳnh Triệu V, sinh ngày 18/02/2004 chưa đủ 18 tuổi, cần giao cho ông Huỳnh Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành là phù hợp với nguyện vọng của ông T và cháu V.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí HNGĐ-ST: Ông Huỳnh Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST theo quy định tại khoản 4 điều 147 BLTTDS; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Kiến nghị khắc phục: Bị đơn cần thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn bà Lê Thị Xuân M mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bà Lê Thị Xuân M là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn yêu cầu giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưM'gar được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung*: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở để khẳng định: Ông Huỳnh Văn T và bà Lê Thị Xuân M tự nguyện chung sống với nhau như vợ

chồng từ năm 1991, không có đăng ký kết hôn, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9, Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014, đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp.

Quá trình duy trì quan hệ hôn nhân: Theo ông Huỳnh Văn T khai; thời gian đầu ông bà chung sống với nhau hạnh phúc và hòa thuận. Tuy nhiên kể từ năm 2012 đến nay, ông bà thường xuyên xảy ra nhiều xung đột, mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà Lê Thị Xuân M không tôn trọng chồng con, gia đình, nghiện cờ bạc, có những mối quan hệ tình cảm nam nữ với người đàn ông khác và thường xuyên bỏ nhà đi chơi. Mặc dù ông T đã nhiều lần khuyên giải nhưng bà M vẫn không thay đổi. Hiện tại ông bà đã sống ly thân nhau từ năm 2012 cho đến nay.

[4] Tại phiên tòa ông T vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông bà là vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy; mâu thuẫn giữa ông Huỳnh Văn T và bà Lê Thị Xuân M là thực tế, rất trầm trọng và kéo dài. Tuy nhiên cả ông T, bà M đều không có ý thức khắc phục, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Huỳnh Văn T và bà Lê Thị Xuân M là có căn cứ.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống ông T, bà M có 03 con chung; trong đó cháu Huỳnh Văn K và Huỳnh Ánh T đã đủ tuổi trưởng thành (*trên 18 tuổi*) nên việc các cháu ở với ai là do các cháu tự quyết định; Cháu Huỳnh Triệu V, sinh ngày 18/02/2004 chưa đủ 18 tuổi, ông T có nguyện vọng xin trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và cháu V cũng có nguyện vọng xin ở với bố. Vì vậy cần giao cháu Vy cho ông Huỳnh Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, ông Huỳnh Văn T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Ông Huỳnh Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.*

- *Áp dụng Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.*

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận ông Huỳnh Văn T và bà Lê Thị Xuân M là vợ chồng.

- *Về con chung*: Giao cháu Huỳnh Triệu V, sinh ngày 18/02/2004 cho ông Huỳnh Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháy V thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Thị Xuân M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên bố mẹ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lê Thị Xuân M được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản quyền này.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Ông Huỳnh Văn T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0001787, ngày 13/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM'gar, tỉnh ĐắkLắk.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

**** Nơi nhận:***
- *VKSND tỉnh Đăk Lăk;*
- *TAND tỉnh Đăk Lăk;*
- *VKSND huyện Cư M'gar;*
- *CCTHA huyện Cư M'gar;*
- *UBND xã EM;*
- *Các đương sự;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Quang Cảnh